TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST
Ngày 07-3-2025
V/v: Xin L hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hội, bà Lò Thị Minh.

- Thư ký phiên toà*:* Ông Hà Văn Yến - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn Latham gia phiên tòa: Bà Lý Hoàng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc: Xin L hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06 ngày 19/02/2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Sồng Thị L, sinh năm 1997. Địa chỉ: Bản Ô, xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu (nay là thị xã Mộc Châu), tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Giàng A S, sinh năm 1998. Địa chỉ: Bản Ô, xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu (nay là thị xã Mộc Châu), tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2024, bản tự khai và trong quá trình hoà giải, xét xử nguyên đơn chị Sồng Thị L trình bày:

Chị L và anh Giàng A S kết hôn với nhau ngày 08/5/2020, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu (nay là thị xã Mộc Châu), tỉnh Sơn La.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh S, thời gian đầu cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến giữa năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh S có hành vi bạo lực gia đình (nhiều lần dùng vũ lực đánh chị), S việc được chính quyền địa phương và gia đình hòa giải, anh S cũng có bản cam kết sẽ không mắng, đánh vợ con, nhưng anh S vẫn không chịu sửa

chữa khuyết điểm. Ngày 22/8/2024 anh S lại dùng tay, chân đánh chị, S việc được Trạm y tế xã Chiêng Khừa kết luận gây đa chấn thương phần mềm trên cơ thể chị, sau đó chị quay về nhà bố mẹ đẻ để ở tránh S bạo lực của anh S. Nay thấy tình cảm vợ, chồng không còn, không thể chung sống với nhau nên nguyện vọng của chị xin được L hôn với anh Giàng A S.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh S có 03 con chung: Cháu Giàng A S1, sinh ngày 13/7/2017, cháu Giàng A P, sinh ngày 17/10/2018 và cháu Giàng Thị Th, sinh ngày 23/02/2023. Nếu L hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giàng Thị Th. Chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Thu nhập bình quân của chị là 5.000.000đ/tháng đảm bảo việc nuôi con.

- Về tài sản chung: Năm 2017 vợ chồng có vay số tiền 50 triệu để mua 04 con bò cái để sinh sản, một năm sau bán 01 con bò cái đi trả nợ một phần vay, đến ngày 22/8/2024 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ, lúc này còn 10 con bò (trong đó có 07 con bò to và 03 con nhỏ), cùng 02 chiếc xe máy (01 chiêc xe nhãn Honda Wave LX mua tháng 6/2023 với giá 15.000.000 đồng và 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave mua cuối năm 2022 với giá 25.000.000 đồng). Hiện nay anh Giàng A S đã bán hết đàn bò và chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave mua cuối năm 2022, chị đề nghị anh Giàng A S thanh toán cho chị số tiền 15.000.000 đồng là tiền chênh lệch bán bò và cho chị được sử dụng chiếc xe máy Honda Wave LX mua tháng 6/2023. Tuy nhiên, quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị L có đơn rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình hoà giải anh Giàng A S trình bày:

Về tình trạng hôn nhân giữa anh S và chị Sồng Thị L đúng như chị L đã trình bày, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu (nay là thị xã Mộc Châu), tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ và anh trai, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm không hợp nhau, do anh phát hiện chị L có biểu hiện sử dụng ma túy nên bực tức đã dùng tay tát gây thương tích nhẹ cho chị L. Sau đó chị L tự ý bỏ nhà về sinh sống cùng bố mẹ đẻ chị L từ tháng 8/2024 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu L hôn với anh thì anh không đồng ý, vì anh xác định tình cảm của anh giành cho chi L vẫn còn, đề nghị Tòa án cho quay về đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị L có 03 con chung: Cháu Giàng A S1, sinh ngày 13/7/2017, cháu Giàng A P, sinh ngày 17/10/2018 và cháu Giàng Thị Th, sinh ngày 23/02/2023. Nếu L hôn anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 03 cháu đến tuổi trưởng thành, vì từ khi chị L bỏ về nhà ngoại anh là người nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu. Thu nhập bình quân của anh là 5.000.000đ/tháng đảm bảo để nuôi dưỡng 03 cháu. Anh yêu cầu chị L phải

cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi cháu là 500.000đ/tháng, đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Đối với tài sản chị L trình bày, anh khẳng định khi vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh, thì những tài sản đó là của bố mẹ anh, vợ chồng không có tài sản gì chung, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn đã được tống đạt các thủ tục theo quy định của pháp luật, nhưng anh S cố tình vắng mặt, không đến tham gia phiên tòa, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân S.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân S; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Sồng Thị L được L hôn với anh Giàng A S.

2. Về con chung: Giao cháu Giàng A S1, sinh ngày 13/7/2017 và cháu Giàng A P, sinh ngày 17/10/2018 cho anh Giàng A S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, hoặc có S thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Giàng Thị Th, sinh ngày 23/02/2023 cho chị Sồng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Th trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, hoặc có S thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Sồng Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Giàng A S đối với cháu Giàng A S1, sinh ngày 13/7/2017 mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thi hành cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu buộc anh S thanh toán số tiền 15.000.000 đồng và sử dụng chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave LX.

Về vay nợ chung: Anh chị đều thừa nhận không có nợ chung và không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Sồng Thị L cư trú ở vùng kinh tế có điều kiện đặc biệt khó khăn, đề nghị Toà án xem xét miễn án phí cho chị Sồng Thị L, theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Chị Sồng Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết L hôn với anh Giàng A S có địa chỉ bản Ông Lý, xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu (nay là thị xã Mộc Châu), tỉnh Sơn La, vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là " L hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân S. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân S thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu (nay là thị xã Mộc Châu), tỉnh Sơn La.

Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân S và là S tự nguyện của nguyên đơn nên được chấp nhận.

[2] Về tố tụng: Về S vắng mặt của bị đơn anh Giàng A S: Sau khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo đúng quy định nhưng anh S đều không có mặt, nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân S.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sồng Thị L và anh Giàng A S có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu (nay là thị xã Mộc Châu), có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị L và anh S là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, quá trình xác minh và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị L và anh S là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, anh S có hành vi bạo hành gây tổn thương cho chị L về tinh thần và thể xác, mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình và chính quyền giải quyết nhưng không đạt kết quả, chị L trở về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 8/2024 và sống L thân với anh S từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị L và anh S đã thực S trầm trọng, đời

sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin L hôn của chị Sồng Thị L và xử cho chị Sồng Thị L được L hôn với anh Giàng A S.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh S có với nhau 03 con chung là cháu Giàng A S1, sinh ngày 13/7/2017, cháu Giàng A P, sinh ngày 17/10/2018 và cháu Giàng Thị Th, sinh ngày 23/02/2023.

Nguyện vọng của chị L sau khi L hôn được nuôi dưỡng cháu Giàng Thị Th và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; anh Giàng A S có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 03 cháu và yêu cầu chị L cấp dưỡng đối với mỗi cháu 500.000 đồng, đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Xét về điều kiện chăm sóc con chung của chị L, anh S: Xét thấy, chị L và anh S đều làm nghề lao động tự do, thu nhập của anh chị là 5.00.000 đồng/ tháng, từ khi L thân các con của anh chị do anh S trực tiếp chăm sóc, tuy nhiên việc chị L không được trực tiếp chăm sóc các con là do anh S ngăn cản, phù hợp với biên bản xác minh với chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống. Việc anh S có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 3 cháu là khó có thể đảm bảo cho các cháu, hơn nữa cháu Giàng Thị Thu dưới 36 tháng tuổi, cần có S chăm sóc của người mẹ. Để quyền lợi của các cháu đảm bảo cũng như trách nhiệm của bố, mẹ với các con cần giao cho chị Sồng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng Thị Th, giao cho anh Giàng A S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng A S1, cháu Giàng A P đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có S thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh S yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh đối với các cháu Giàng A S1, cháu Giàng A P và cháu Giàng Thị Th mỗi tháng là 500.000 đồng/ 01 cháu, đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tại phiên toà chị L nhất trí cấp dưỡng đối với cháu Giàng A S1 mỗi tháng là 500.000 đồng, đến khi cháu Sua đủ 18 tuổi, do đó cần chấp nhận một phần yêu cầu của anh S về phần cấp dưỡng nuôi con chung, buộc chị L có trách nhiệm cấp dưỡng đối với cháu S1 mỗi tháng 500.000 đồng, đến khi cháu S1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi L hôn.

[5] Về tài sản chung: Đối với yêu cầu của chị L buộc anh S thanh toán số tiền 15.000.000đ (Mười năm triệu đồng) tiền chênh lệch bán bò của gia đình và quyền sử dụng chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave LX. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị L rút yêu cầu này nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Hai anh chị đều thừa nhận không nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Sồng Thị L là nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Xét thấy nguyên đơn cư trú ở cùng có kinh tế đặc biệt khó khăn, quá trình thụ lý giải quyết và tại phiên tòa chị đề nghị được miễn toàn bộ án phí,

căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Nên Hội đồng xét xử miễn án phí dân S sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị Sồng Thị L.

[7] Các đương S có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân S; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Sồng Thị L được L hôn với anh Giàng A S.

2. Về con chung:

Giao cháu Giàng A S1, sinh ngày 13/7/2017, cháu Giàng A P, sinh ngày 17/10/2018 cho anh Giàng A S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có S thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Giàng Thị Th, sinh ngày 23/02/2023 cho chị Sồng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có S thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Sồng Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Giàng A S đối với cháu Giàng A S1, sinh ngày 13/7/2017 mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Thi hành cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con sau L hôn.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Sồng Thị L.

4. Vay nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Miễn án phí dân S sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Sồng Thị L.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân S.

Nguyên đơn chị Sồng Thị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn anh Giàng A S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản sao bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân S thì người được thi hành án dân S, người phải thi hành án dân S có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân S; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thị xã Mộc Châu;
- Chi cục THADS thị xã Mộc Châu;
- Các đương S;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đào Ngọc Hà